TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST Ngày: 05-02-2020 Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc L (Nguyễn Thị Chúc L), sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp Tr, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Quốc C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Tr, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

Bà L có mặt, ông C vắng mặt lần thứ nhất có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11/12/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông C; Về con chung: yêu cầu nuôi con chung tên Phạm Quốc V1, sinh ngày 09/7/2006; Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung cho bà L theo nguyện vọng của con, không tranh chấp tài sản chung và nợ chung.

- Về các tình tiết cụ thể của vụ án được nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Bà L và ông C sau một thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình thì tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn số 01/2005, ngày 15/3/2005 tại UBND thị trấn V, huyện V; Sau khi cưới vợ chồng bà cùng làm ăn sinh sống tại ấp Tr, xã Th, huyện V, tỉnh Long An. Cuộc sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc, ông C không lo làm kinh tế mà thường xuyên uống rượu rồi xảy ra cự cãi. Bà L và ông C không còn sống chung từ tháng 11/2019 cho đến nay; Quá trình chung sống vợ chồng bà có con chung tên Phạm Quốc V1, sinh ngày 09/7/2006, hiện đang ở chung với bà L. Hiện nay, bà L đang kinh doanh mở quán bán ăn uống, thu nhập bình quân mỗi tháng hơn chục triệu, đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học hành của con. Bà xác định không còn tình cảm với ông C, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắng nên tôi quyết định yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không trình bày.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án: Bà L yêu cầu ly hôn với ông C vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân từ tháng 11/2019, hôn nhân không có mục đích, ông C thì có ý kiến thống nhất ly hôn theo đơn yêu cầu của bà L và đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng; Bà L và ông C không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L; Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà L yêu cầu ly hôn với ông C và yêu cầu nuôi con chung, ông C có nơi cư trú tại ấp Tr, xã Th, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà L và ông C là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện V vào ngày 15/3/2005 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp;

Bà L xác định vợ chồng bà chỉ sống với nhau hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông C không chăm lo kinh tế gia đình mà còn hay uống rượu nên vợ chồng thường xuyên cải nhau, từ tháng 11/2019 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, bà L cũng không còn tình cảm với ông C; Ông C cũng thống nhất việc ly hôn theo yêu cầu của bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà L và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con chung tên Phạm Quốc V1 có nguyện vọng được ở với mẹ là bà L và hiện đang sinh sống cùng với bà L ở ấp Tr, xã Th, huyện V, tỉnh Long An; Bà L có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, ông C không có tranh chấp với bà L về việc nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung Phạm Quốc V1 cho bà L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Ông C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà L và ông C đều không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của bà L.

[6] Về án phí: Do bà L không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Trúc L.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Phạm Quốc C.

Về con chung: Giao con chung tên Phạm Quốc V1 (Giới tính: nam), sinh ngày 09/7/2006 cho bà Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Nguyễn Thị Trúc L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Trúc L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 11/12/2019 theo biên lai thu tiền số 0004665 sang tiền án phí.

Báo cho bà L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND thị trấn V;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu